

ACCESS TO FORMAL CREDIT FOR THE POOR HOUSEHOLDS: EXPERIENCE FROM BANGLADESH AND PRACTICE IN VIETNAM

Nguyen Huu Thu

TNU - University of Economics and Business Administration

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 29/9/2021	Credit is one of the essential resources that help poor households transform their production methods towards hunger eradication and poverty alleviation. However, in the current context, many poor households still have difficulty in accessing formal credit sources, especially impoverished households in rural and mountainous areas. Therefore, the study used descriptive statistical methods to analyze the data collected from Grameen Bank - Bangladesh Annual Report, Vietnam Bank for Social Policies, People's Credit Fund, and Tinh Thuong One-member Limited Liability Microfinance Institution of Vietnam. This approach allows us to have a comprehensive and holistic view of credit access for poor households. On that basis, this article has drawn seven lessons learned to improve access to credit for poor households, creating a premise to increase income and contribute to the development of agricultural and rural economies toward industrialization and modernization.
Revised: 18/11/2021	
Published: 18/11/2021	
KEYWORDS	
Access	
Formal credit	
Poor households	
Experience	
Bangladesh	
Vietnam	

TIẾP CẬN TÍN DỤNG CHÍNH THỨC CHO HỘ NGHÈO: KINH NGHIỆM TỪ BANGLADESH VÀ THỰC TIỄN TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Hữu Thu

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 29/9/2021	Tín dụng là một trong những nguồn lực sản xuất quan trọng giúp hộ nghèo có khả năng chuyển đổi phương thức sản xuất tiến tới xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, nhiều hộ nghèo vẫn còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận với nguồn vốn tín dụng chính thức, nhất là những hộ nghèo ở vùng nông thôn, miền núi. Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp thống kê mô tả; thu thập, xử lý, phân tích số liệu từ Báo cáo thường niên của Grameen Bank - Bangladesh; Ngân hàng Chính sách Xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức Tài chính vi mô Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tinh Thương của Việt Nam để có cái nhìn toàn diện, tổng thể về tiếp cận tín dụng cho hộ nghèo. Từ đó, bài viết đã rút ra 7 bài học kinh nghiệm nhằm góp phần nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng cho hộ nghèo, tạo tiền đề để nâng cao thu nhập, đóng góp cho sự phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa.
Ngày hoàn thiện: 18/11/2021	
Ngày đăng: 18/11/2021	
TỪ KHÓA	
Tiếp cận	
Tín dụng chính thức	
Hộ nghèo	
Kinh nghiệm	
Bangladesh	
Việt Nam	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5098>

Email: nguyenuu@tueba.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

1. Giới thiệu

Giảm nghèo bền vững là mục tiêu cốt lõi trong chiến lược phát triển của Việt Nam, trong đó tiếp cận tín dụng được xem như là một công cụ quan trọng trong việc tăng cường hỗ trợ tài chính để hộ nghèo phát triển kinh tế [1]. Có một sự thừa nhận rằng tiếp cận tín dụng cho hộ nghèo là cách để giúp họ tăng năng suất lao động, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập và có cơ hội thoát nghèo [1]-[3]. Nhiều nghiên cứu đã khẳng định vai trò quan trọng của việc tiếp cận tín dụng cho hộ nghèo với những điều kiện ưu đãi là phương tiện để hộ thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao thu nhập tiến tới thoát nghèo [4]-[6]. Vai trò của tiếp cận tín dụng cho hộ nghèo cũng được thể hiện qua sự đóng góp vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giảm tác động của sự bất ổn kinh tế và tăng tính tự chủ cho hộ nghèo đặc biệt là những hộ nghèo nhất, dễ tổn thương nhất, thông qua việc cung cấp tín dụng dễ dàng kết hợp với những hướng dẫn về cách thức sử dụng, nhờ đó giúp người nghèo tăng cường được vị thế của mình trong xã hội, phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh nhỏ, kể cả sản xuất nông nghiệp, tăng thu nhập và giảm khả năng dễ tổn thương [7]-[9].

Tại Bangladesh, số lượng các tổ chức tín dụng vi mô đã gia tăng rất nhanh chóng, từ 50 tổ chức năm 1985, lên 750 tổ chức năm 2005, đến năm 2016, số lượng các tổ chức tín dụng vi mô đang hoạt động tại Bangladesh lên đến gần 1.500 tổ chức. Bên cạnh đó, dịch vụ mà các tổ chức cung cấp tại đây đã phủ rộng khắp cả nước, với trên 90% số làng xã đã tiếp cận ít nhất một tổ chức [10]. Các tổ chức tín dụng đã tăng đáng kể quy mô tín dụng cho khu vực nông thôn nhất là cho phụ nữ nghèo, điều này nhằm góp phần nâng cao vị thế của người phụ nữ trong tình hình mới [11], bên cạnh đó, các chương trình tín dụng vi mô của Bangladesh đã mang lại những lợi ích cho những người nghèo nhất và có tác động lan tỏa tích cực, lâu dài trong việc giảm nghèo [12].

Tuy nhiên, những hộ nghèo thường bị hạn chế trong việc tiếp cận với những khoản vay tín dụng chính thức, thứ nhất do hộ nghèo thiếu tài sản đảm bảo hoặc do không có người bảo lãnh khi vay, thứ hai, các tổ chức tín dụng cho rằng chi phí giao dịch cho một khoản vay của hộ nghèo bất kể lớn hay nhỏ thường cao hơn các khoản vay của các đối tượng khác [8]. Mặt khác, nếu xem xét đến các yếu tố rủi ro, thì rõ ràng những khoản vay của hộ nghèo thường mang lại rủi ro cao cho các tổ chức tín dụng [5]. Như vậy, hộ nghèo không thể được hưởng lợi từ các khoản vay tín dụng chính thức.

Ở Việt Nam nguồn cung tín dụng cho hộ nghèo được cung cấp từ các nguồn chính thức, bán chính thức và phi chính thức, trong đó tín dụng chính thức chịu sự chi phối bởi Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày càng phát triển, thể hiện ở tính đa dạng, nhiều thành phần sở hữu, và mở rộng về quy mô. Mạng lưới tín dụng chính thức cho vay đến hộ nghèo không chỉ ở Ngân hàng Chính sách Xã hội (NHCSXH), Quỹ tín dụng Nhân dân (QTDND), mà còn cả các tổ chức tài chính vi mô. Nguồn vốn, doanh số cho vay và dư nợ tín dụng trong những năm gần đây ngày càng tăng, đối tượng tiếp cận với nguồn vốn tín dụng cũng ngày càng được mở rộng [1]. Mặc dù đã có những thành công nhất định, song so với mức tín dụng chung của cả nền kinh tế, mức tín dụng cho lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn nhất là cho hộ nghèo còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu và mục tiêu phát triển của khu vực này. Người nghèo - những người yếu thế nhất trong xã hội vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận với tín dụng chính thức. Theo CIEM, UNU-WIDER, ILSSA các hộ nghèo nhất và dễ bị tổn thương nhất thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận với tín dụng từ khu vực chính thức, chỉ có khoảng trên 28% hộ gia đình có ít nhất một khoản vay, trong khi có tới hơn 71% hộ không có khoản vay nào [13]. Trước đó, Phạm Bảo Dương và Izumida cũng chỉ ra rằng hơn 30% hộ nông dân không thể vay từ nguồn tín dụng chính thức [9].

Bài viết này hướng tới mục tiêu hệ thống hóa, làm sáng tỏ cơ sở thực tiễn về tiếp cận tín dụng cho hộ nghèo từ các tổ chức tín dụng chính thức, qua đó, rút ra các bài học kinh nghiệm nhằm góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững theo Nghị quyết 24/2021/QH15 của Quốc hội về Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Phương pháp nghiên cứu

Thu thập số liệu: Số liệu được sử dụng trong bài viết là số liệu thứ cấp được thu thập từ Báo cáo thường niên của Grameen Bank (Bangladesh), Ngân hàng Chính sách Xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức Tài chính vi mô Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tỉnh Thương (Việt Nam).

Tổng hợp số liệu: Nghiên cứu sử dụng bảng thống kê, đồ thị thống kê để trình bày kết quả tổng hợp số liệu nhằm biểu thị các số liệu thống kê một cách có hệ thống, logic.

Phân tích số liệu: Để phân tích số liệu tác giả đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh nhằm liệt kê, tính toán, so sánh số tuyệt đối và số tương đối giữa các năm.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kinh nghiệm tiếp cận tín dụng cho hộ nghèo ở Bangladesh

Bangladesh là một trong những nước nghèo nhất trên thế giới, nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế, song nông nghiệp rất lạc hậu. Diện tích tự nhiên 143.998 km², dân số khoảng 163 triệu người (2019), trong đó 80% dân số ở khu vực nông thôn, GDP bình quân đầu người/năm là 1.855 USD (2019). Nằm trong vùng thấp của khu vực Nam Á, với đường bờ biển kéo dài (710 km) nên thiên tai thường xuyên xảy ra. Do đó đời sống của đa số nông dân vô cùng khó khăn [14].

Để hỗ trợ người nông dân khắc phục những khó khăn, phát triển kinh tế một mô hình cung cấp tín dụng cho người nghèo ở Bangladesh đã ra đời, đó là ngân hàng Grameen (GB). GB là một tổ chức tín dụng được thành lập đầu tiên ở Bangladesh với mục đích cho vay tới đông đảo người nghèo mà không đòi hỏi tài sản thế chấp hay hợp đồng pháp lí. Ngân hàng này dựa trên ý tưởng là người nghèo có nhiều kĩ năng mà không tận dụng hết, có thể nói đây là một ngân hàng phục vụ người nghèo thành công nhất trên thế giới từ trước đến nay. Mục tiêu hoạt động của GB đó là “Hướng về một thế giới không nghèo khổ”. Thách thức lớn nhất của thể chế này từ khi thành lập là làm sao có thể giúp những người bị bạc đãi nhất thoát khỏi tình trạng quá nghèo mà không lâm vào con đường cứu trợ. Kinh nghiệm thành công từ GB đó là:

Thứ nhất, hệ thống hoạt động của GB có 2.568 chi nhánh bao phủ 81.678 làng, xã, chiếm gần 93,49% số làng xã trên khắp đất nước với 9.260.176 thành viên tham gia, mỗi chi nhánh quản lý 15-22 làng, xã. Dưới mỗi chi nhánh, mỗi làng có một trung tâm tín dụng do thành viên vay vốn tự xây dựng và quản lý. Tại GB chủ sở hữu chính là những người nghèo vay vốn từ ngân hàng và phần lớn trong số họ là phụ nữ, trong tổng số cổ phiếu, người vay sở hữu 94%; 6% còn lại thuộc sở hữu của Chính phủ (Bảng 1).

Bảng 1. Kết quả hoạt động của GB năm 2015-2019

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm				
			2015	2016	2017	2018	2019
1	Số chi nhánh	Chi nhánh	2.568	2.568	2.568	2.568	2.568
2	Số làng được bao phủ	Làng	81.392	81.395	81.400	81.677	81.678
3	Số thành viên	Người	8.806.779	8.901.610	8.934.874	9.084.503	9.260.176
4	Tỷ lệ thành viên nữ	%	96,50	96,54	96,65	96,66	96,62
5	Số tiền cho vay tích lũy	Tỷ BDT	1.230.183	1.417.716	1.652.431	1.899.241	2.153.620
6	Tỷ lệ hoàn vốn	%	98,72	98,85	99,04	99,14	99,05
7	Số dư tiền gửi tiết kiệm	Tỷ BDT	131.107	148.353	169.793	190.867	170.680

(Nguồn: [15])

Thứ hai, điểm nhấn sáng tạo của GB là mô hình “nhóm tự quản” kết nối những người vay có hoàn cảnh tương tự để họ cùng chia sẻ trách nhiệm, sàng lọc, giám sát và quản lý lẫn nhau, giảm sự bất cân xứng thông tin trong hoạt động tín dụng. Mỗi nhóm vay gồm 5 người, khoản vay đầu tiên dành cho 2 người, rồi tiếp đến người thứ 3, thứ 4 và người cuối cùng. Hàng tuần nhân viên sẽ gặp khoảng 40 người (khoảng 7 - 8 nhóm), ở đây nhân viên tín dụng là cầu nối giữa các nhóm và thành viên, và chia sẻ những kinh nghiệm làm ăn, hoặc quản lý chi tiêu. Khi mỗi nhóm vay

được hình hành, một nhân viên ngân hàng sẽ kiểm tra điều kiện thành viên bằng cách đến thăm các hộ gia đình nhằm thu thập thông tin về tài sản, thu nhập.

Thứ ba, mỗi thành viên khi vay được tiền phải có trách nhiệm trả góp hàng tuần trong vòng 1 năm. Đặc biệt, khi 1 thành viên trong nhóm không có khả năng trả nợ thì GB sẽ từ chối tất cả các khoản vay của các thành viên còn lại trong nhóm. Do vậy, người vay bị hối thúc buộc phải làm ăn để trả nợ. Khoản tiền vay phải gắn chặt với tiết kiệm bắt buộc và được xem là hình thức thế chấp tài sản, đến cuối năm 2019 số dư tiền gửi tiết kiệm của GB đạt 170.680 tỷ BDT (tương đương 2,01 tỷ USD), (BDT là đồng Taka Bangladesh). Thêm vào đó, nếu người vay muốn vay lại thì phải chứng minh được các khoản vay trước đó có sinh lời. Tại Bangladesh, phụ nữ ít có khả năng vay được vốn từ ngân hàng thương mại nhưng tại GB có một thực tế đáng ngạc nhiên là phần lớn (96,62%) người vay vốn là phụ nữ, tỷ lệ hoàn vốn đạt tới 99,05% (Bảng 1).

Thứ tư, ngoài việc đóng 1 BDT hàng tuần, mỗi thành viên khi vay vốn phải đóng 5% giá trị khoản vay vào quỹ của nhóm. Các thành viên có thể vay tiền từ quỹ này cho bất kỳ mục đích nào bao gồm trả nợ ngân hàng hoặc tiêu dùng. Như vậy, trong trường hợp khó khăn, các thành viên vay vốn được giúp đỡ trả nợ và tránh sử dụng khoản vay gốc vào các mục đích tiêu dùng.

Thứ năm, các thành viên của nhóm vay không phải đi đến ngân hàng để thực hiện giao dịch mà nhân viên ngân hàng sẽ thực hiện giải ngân, thu nợ và giải đáp tất cả thắc mắc của người vay nhằm đảm bảo người vay đều hiểu quyền lợi và nghĩa vụ của mình thông qua các buổi họp nhóm.

Thứ sáu, GB đang duy trì cơ chế cho vay đối với các đối tượng: (1) cho vay người nghèo phục hồi thu nhập với lãi suất 20%/năm với thời hạn vay 1 năm; (2) cho người nghèo vay mua nhà với lãi suất 8%/năm, hoàn trả trong 5 năm; (3) cho sinh viên vay chi trả cho học phí, chi phí thực phẩm, văn phòng phẩm, ăn và ở với lãi suất 0% trong thời gian học tập, và 5%/năm sau thời gian học tập; (4) cuối cùng cho vay đối tượng rất nghèo (như người ăn xin, tàn tật, mù lòa hoặc sức khỏe kém) với lãi suất 0% (Bảng 2). Tất cả các khoản vay đều được tính trên số dư giảm dần. Tính đến cuối 2019, tổng số tiền cho vay tích lũy là 2.153.620 tỷ BDT (tương đương 29,56 tỷ USD) (Bảng 1).

Bảng 2. Danh mục và lãi suất cho vay của GB

STT	Danh mục cho vay	Lãi suất
1	Các khoản vay cho hoạt động tạo thu nhập	20%
2	Cho vay mua nhà	8%
	Cho vay giáo dục đại học	
3	- Trong thời gian học 3-5 năm	%
	- Sau 5 năm	5%
4	Đối tượng rất nghèo (ăn xin)	0%

(Nguồn: [15])

Thứ bảy, do mức độ rộng lớn về mặt xã hội cũng như muốn duy trì mối quan hệ thân thiết với khách hàng nên GB thường yêu cầu nhân viên các chi nhánh phải sống ngay tại địa phương mình phục vụ. Ngoài ra, ngân hàng cũng cung cấp các loại hình đào tạo cho người đi vay. GB có hệ thống quản lý thông tin được coi là hoàn hảo, điều này cho phép có thể theo dõi hoạt động của các món vay cũng như thi hành và quản lý có hiệu quả hệ thống khuyến khích nhân viên.

3.2. Thực tiễn tiếp cận tín dụng cho hộ nghèo tại Việt Nam

3.2.1. Tổng quan thị trường tín dụng nông thôn Việt Nam

Thị trường tín dụng nông thôn ở Việt Nam có cấu trúc kép trong đó tài chính chính thức và phi chính thức cùng tồn tại song song với nhau. Khu vực chính thức, do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NHNN&PTNT) dẫn đầu, đã và đang phát triển chiếm thị phần ngày càng tăng trên thị trường. Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) được thành lập năm 2003 với mục tiêu chính là cung cấp tín dụng với lãi suất thấp thông qua các chương trình tín dụng vi mô cho người nghèo không đủ điều kiện cho các khoản vay cá nhân vì tài sản thế chấp hạn chế. Ngoài NHNN&PTNT và NHCSXH còn có một số tổ chức cho vay, chẳng hạn như Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND), một số chương trình tín dụng vi mô và một số ngân hàng thương mại liên

quan đến cho vay nông thôn. Theo phân cấp quản lý, Việt Nam có hệ thống hành chính bốn cấp bao gồm cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Tương ứng với đó, ở cấp Trung ương là Hội sở Ngân hàng, ở cấp tỉnh có các chi nhánh ngân hàng, ở cấp huyện có các phòng giao dịch, ở cấp xã là các điểm giao dịch lưu động, cụm giao dịch lưu động.

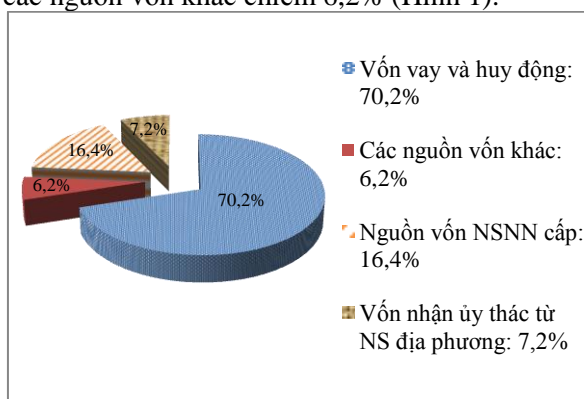
Hiện nay vẫn còn số lượng lớn hộ nông dân sống trong cảnh nghèo đói và thiếu thốn, đặc biệt là những hộ sinh sống tại các vùng xa xôi, hẻo lánh. Do không có tài sản thế chấp để vay vốn ngân hàng nên những hộ này ít có khả năng tiếp cận các chương trình tín dụng, họ gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn tín dụng, đặc biệt là tín dụng chính thức, do đó, họ đã tìm đến các nguồn không chính thức như vay bạn bè, hàng xóm, vay nặng lãi... để trả nợ hoặc bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất. Kết quả là, họ có thể rơi vào tình trạng nợ nần chồng chất và vỡ nợ.

Vì vậy, để đạt được mục tiêu lớn hơn là xóa đói, giảm nghèo, cũng như để giúp người nghèo thoát khỏi cảnh khốn cùng, Chính phủ đã đầu tư rất nhiều và hỗ trợ cho các hộ gia đình nông thôn, đặc biệt là người nghèo thông qua các chương trình tín dụng ưu đãi. Những nỗ lực của Chính phủ trong quá trình đổi mới đã giúp thiết lập thị trường tín dụng nông thôn non trẻ bằng cách tạo ra nhiều tổ chức tín dụng nông thôn chính thức nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về vốn tín dụng của đa số người dân nông thôn.

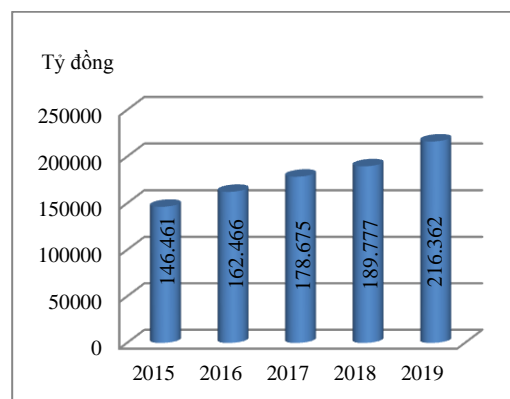
3.2.2. Ngân hàng Chính sách xã hội

Thực hiện chiến lược phát triển NHCSXH giai đoạn 2011 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, NHCSXH đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng trong toàn hệ thống, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quá trình hoạt động.

Tăng trưởng nguồn vốn: Cơ cấu nguồn vốn của NHCSXH bao gồm: vốn do Ngân sách Nhà nước cấp, vốn huy động và vốn vay, vốn nhận tài trợ, ủy thác và các nguồn vốn khác. Tính đến 31/12/2019, tổng nguồn vốn tín dụng chính sách đạt 216.362 tỷ đồng, tăng 17.586 tỷ đồng so với năm 2018 (Hình 2). Trong đó, nguồn vốn do Ngân sách Nhà nước cấp chiếm 16,4%, vốn huy động và vốn vay chiếm 70,2%, vốn nhận tài trợ, ủy thác từ Ngân sách địa phương chiếm 7,1%, các nguồn vốn khác chiếm 6,2% (Hình 1).



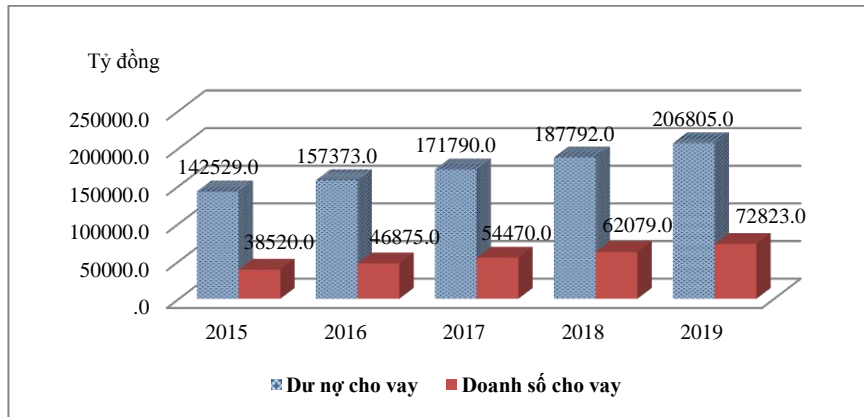
Hình 1. Kết cấu nguồn vốn 2019
(Nguồn: [16])



Hình 2. Tăng trưởng nguồn vốn
(Nguồn: [16])

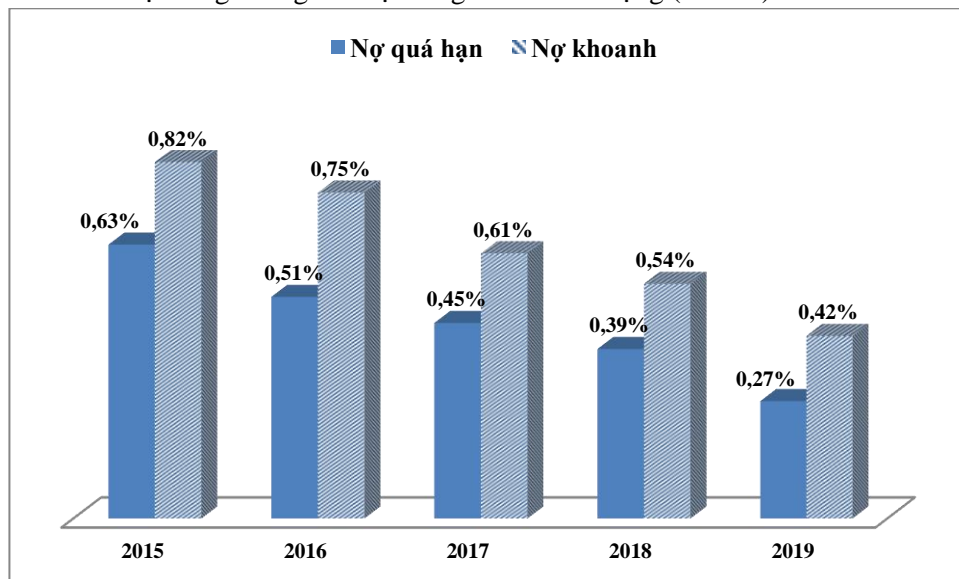
Năm 2019 là năm NHCSXH có doanh số cho vay lớn nhất từ trước tới nay, đạt 72.823 tỷ đồng, tăng 10.744 tỷ đồng so với năm 2018, góp phần tích cực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Tổng dư nợ tín dụng chính sách đến 31/12/2019 đạt 206.805 tỷ đồng, tăng 19.013 tỷ đồng (+10,1%) so với cuối năm 2018, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng tín dụng được Thủ tướng Chính phủ giao, với trên 6,5 triệu hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác còn dư nợ (Hình 3).



Hình 3. Doanh số cho vay, dư nợ cho vay
(Nguồn: [16])

Chất lượng tín dụng: Chất lượng tín dụng tiếp tục được đảm bảo với nợ quá hạn và nợ khoanh duy trì ở mức thấp. Tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh của toàn hệ thống NHCSXH giảm từ 0,63% và 0,82% (năm 2015) xuống còn 0,27% và 0,42% (năm 2019) trên tổng dư nợ. Đây là tỷ lệ thấp hơn nhiều so với mặt bằng chung của hệ thống tổ chức tín dụng (Hình 4).



Hình 4. Tỷ lệ nợ quá hạn, nợ khoanh của NHCSXH
(Nguồn: [16])

Điểm giao dịch: Mạng lưới hoạt động năm 2019 tiếp tục được củng cố và tăng cường, đưa tổng số điểm giao dịch cấp xã, phường, thị trấn lên 10.853 điểm trên tổng số 11.055 xã, phường, thị trấn trong cả nước (đạt 100%). Số xã, phường, thị trấn còn lại là những nơi Ngân hàng Chính sách xã hội đóng trụ sở và khách hàng giao dịch tại trụ sở Ngân hàng Chính sách xã hội.

Hoạt động tín dụng chính sách xã hội đã góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo cả nước năm 2019 xuống 4,05% (giảm 1,3% so với cuối năm 2018), giúp thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước đã đề ra về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, tập trung phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế xã hội. Kinh nghiệm thành công từ NHCSXH đó là:

Thứ nhất, để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong việc giao dịch, NHCSXH đã đặt các điểm giao dịch trên toàn bộ các xã, phường, thị trấn trong cả nước. Điểm giao dịch được tổ chức giao dịch định kỳ tối thiểu 1 lần/1 tháng.

Thứ hai, phối hợp với chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội thành lập và quản lý các tổ tiết kiệm và vay vốn, tổ tiết kiệm và vay vốn tập hợp hộ nghèo và các đối tượng chính sách có nhu cầu vay vốn, thông qua mô hình này người nghèo có điều kiện tiếp cận nguồn vốn tín dụng và tiếp cận các dịch vụ tài chính ngân hàng như tiền gửi, thanh toán.

Thứ ba, việc ủy thác giao cho các tổ chức chính trị - xã hội quản lý hoạt động của các tổ tiết kiệm và vay vốn theo địa bàn dân cư kết hợp với hoạt động của tổ chức Hội nên hoạt động của các tổ tiết kiệm và vay vốn đạt hiệu quả cao. Thực hiện ủy thác từng phần qua các tổ chức chính trị - xã hội đã góp phần tích cực vào việc mở rộng và nâng cao chất lượng tín dụng.

Thứ tư, hộ nghèo vay vốn không phải thế chấp tài sản và được miễn lệ phí làm thủ tục vay vốn nhưng phải là thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn, được tổ bình xét, lập thành danh sách đề nghị vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Thứ năm, phối hợp có hiệu quả hoạt động tín dụng với hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội như khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư nhằm mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững, bảo đảm an sinh xã hội.

3.2.3. Quỹ tín dụng nhân dân

Sự ra đời của các QTDND vào năm 1993 đã thiết lập một mô hình tín dụng hợp tác mới, thích hợp với tình hình kinh tế thị trường ở nông thôn. Trong bối cảnh các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính khác chưa đẩy mạnh hoạt động ở khu vực xa các trung tâm đô thị, hệ thống QTDND đã góp phần bổ sung vào khoảng trống trong hoạt động ngân hàng. Qua hoạt động của QTDND, ý thức tiết kiệm và tích lũy của người dân được nâng cao, những đồng vốn nhàn rỗi được huy động để hỗ trợ lẫn nhau, đưa vào đầu tư phục vụ phát triển sản xuất, mở mang ngành nghề, dịch vụ, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế. Những nơi QTDND hoạt động tích cực, công ăn việc làm của người lao động được cải thiện, góp phần xóa đói giảm nghèo, giúp đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Tính đến tháng 12/2019 cả nước hiện có 1.183 QTDND hoạt động trên địa bàn 57/63 tỉnh, thành phố với 2.831 xã phường thị trấn; có trên 1,6 triệu thành viên là các hộ gia đình chủ yếu ở khu vực nông nghiệp - nông thôn. Tổng nguồn vốn hoạt động của hệ thống QTDND là 113.798 tỷ đồng (tăng gấp 9,68 lần so với 2018) trong đó vốn huy động là 86.300 tỷ đồng, dư nợ cho vay là 79.367 tỷ đồng, dư nợ cho vay sản xuất nông nghiệp chiếm 56,7%, ngành nghề chiếm 34,5%, cho vay sinh hoạt chiếm tỷ lệ 8,8%; nợ xấu chiếm tỷ lệ 0,91% so với tổng dư nợ; hàng năm số hộ gia đình là thành viên và hộ nghèo được vay vốn ngày càng tăng [17]. Do nguồn vốn huy động hầu hết là ngắn hạn nên QTDND chỉ tập trung cho vay ngắn hạn, nhờ sự hỗ trợ của các tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), dự án tài chính vi mô Tây Ban Nha (AECID-ICO), dự án hỗ trợ kỹ thuật của GTZ và các tổ chức quốc tế khác tài trợ. Kinh nghiệm thành công từ QTDND đó là:

Thứ nhất, phát triển mạng lưới với 1.183 QTDND hoạt động trên địa bàn 57/63 tỉnh, thành với mô hình gần dân, sát dân, thủ tục vay vốn nhanh chóng thuận tiện, tạo cơ hội cho người nghèo dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn hơn.

Thứ hai, việc cho vay đối với hộ nghèo được thực hiện theo hình thức tín chấp, không yêu cầu tài sản thế chấp, phù hợp với hoàn cảnh và khả năng tiếp cận của hộ nghèo.

Thứ ba, tạo mọi điều kiện hỗ trợ vốn cũng như tư vấn sử dụng đồng vốn hiệu quả cho các thành viên - đa số thuộc tầng lớp dân nghèo - mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển chăn nuôi, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống người nghèo, giúp họ thoát nghèo tránh tình trạng tái nghèo.

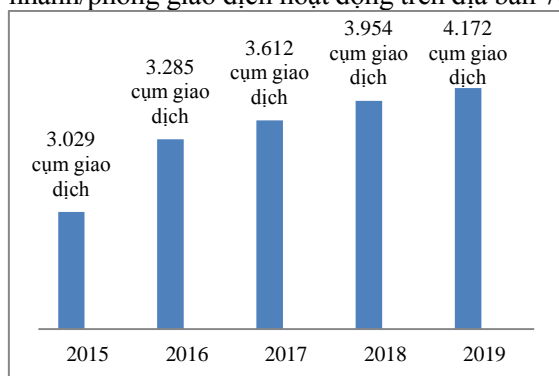
Thứ tư, luôn bám sát chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để cho vay, khai thác tối đa nguồn vốn nhàn rỗi trong dân cư, tăng cường kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi cho vay

nhằm nâng cao chất lượng tín dụng. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền để mọi người dân cùng hiểu và tin tưởng vào hoạt động của Quỹ.

3.2.4. Tổ chức Tài chính vi mô Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tỉnh Thương (TYM)

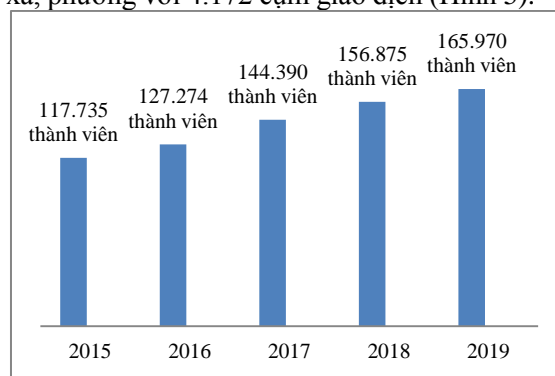
Được thành lập năm 1992, với sứ mệnh cải thiện chất lượng cuộc sống của các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp, đặc biệt ưu tiên phụ nữ nghèo, yếu thế thông qua các dịch vụ tài chính và phi tài chính, tạo cơ hội cho phụ nữ tham gia vào các hoạt động kinh tế và xã hội, góp phần nâng cao vị thế của người phụ nữ.

Mở rộng quy mô hoạt động: Từ năm 2015 đến năm 2019 TYM luôn đẩy mạnh hoạt động mở rộng địa bàn. Nếu như năm 2015, TYM có 59 chi nhánh/phòng giao dịch hoạt động trên địa bàn 55 huyện, 466 xã, phường với 3.029 cụm giao dịch thì đến cuối năm 2019, TYM đã phát triển 72 chi nhánh/phòng giao dịch hoạt động trên địa bàn 700 xã, phường với 4.172 cụm giao dịch (Hình 5).



Hình 5. Số cụm giao dịch TYM

(Nguồn: [18])



Hình 6. Số thành viên tham gia TYM

(Nguồn: [18])

Phát triển thành viên: Với những nỗ lực của toàn hệ thống TYM trong việc thực hiện nhiều hoạt động, chiến dịch nhằm thu hút thêm thành viên, đến cuối năm 2019 TYM đã phát triển được 165.970 thành viên, tăng 48.235 người so với năm 2015 (Hình 6).

Tập trung nghiên cứu và phát triển các loại sản phẩm tín dụng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Đặc biệt, TYM đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm hướng tới từng nhóm khách hàng khác nhau và cải tiến sản phẩm mang lại sự thuận tiện và hài lòng cho khách hàng nhiều hơn nữa, TYM cũng đặt ra chỉ tiêu, khuyến khích và giám sát việc thực hiện chỉ tiêu cho vay vốn ưu đãi dành cho hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của chính phủ. Đến cuối năm 2019, TYM giải ngân được 3.491,78 tỷ đồng, tăng hơn 1.838,95 tỷ đồng so với năm 2015. Dư nợ vốn đạt 1.850,9 tỷ đồng năm 2018, tăng 988 tỷ đồng so với năm 2015. Đã có 7.550 hộ gia đình nghèo, cận nghèo đã được tiếp cận các loại vốn vay ưu đãi này. Kinh nghiệm thành công từ TYM đó là:

Thứ nhất, TYM luôn kiên định và tuân thủ nguyên tắc cho vay đã được chứng minh qua thực tiễn là hoàn toàn phù hợp người nghèo là cho vay trực tiếp, không cần tài sản thế chấp, món vay từ nhỏ đến lớn và hoàn trả theo tuần, cùng với đó là thủ tục đơn giản và duy trì kỷ luật tín dụng nghiêm minh.

Thứ hai, vốn vay của TYM linh hoạt và đa dạng để các thành viên có quyền lựa chọn. Mức vay thấp nhất được thiết kế dựa vào năng lực kinh tế bình quân của hộ nghèo, phù hợp với khả năng hoàn trả và thu hút được nhiều phụ nữ nghèo tham gia.

Thứ ba, TYM luôn ưu tiên tiếp cận các địa bàn mới, đặc biệt mở rộng mạng lưới đến các vùng sâu, vùng xa. TYM chia một địa bàn xã thành nhiều điểm giao dịch để thuận tiện cho việc quản lý, đặc biệt giúp cán bộ TYM luôn gần gũi, sát sao với thành viên của mình. Điểm giao dịch là nơi quy tụ từ 30-40 thành viên sống gần nhau trên cùng một địa bàn và là nơi cung cấp các dịch vụ của TYM.

Thứ tư, tiết kiệm là sản phẩm luôn gắn liền với tín dụng và góp phần tạo nên thành công của TYM. Sản phẩm tiết kiệm của TYM được thiết kế phù hợp với từng thời kỳ phát triển, không chỉ

giúp cho TYM tạo nguồn vốn bền vững mà còn giúp cho các thành viên tạo dựng thói quen tiết kiệm, có kế hoạch chi tiêu hợp lý và giúp họ tích lũy tài sản.

3.3. Bài học kinh nghiệm rút ra về tiếp cận tín dụng cho hộ nghèo

Thứ nhất, mở rộng mạng lưới chi nhánh, lập phòng giao dịch đến tận các thôn, bản với phương châm “mang ngân hàng đến với người dân”, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận các dịch vụ tài chính một cách dễ dàng nhất và đây chính là chìa khóa thành công của các mô hình tín dụng cho người nghèo ở các nước đang phát triển.

Thứ hai, lập các tổ tín dụng lưu động nhằm tiếp cận dễ dàng hơn với khách hàng ở vùng sâu, vùng xa. Phối hợp chặt chẽ với tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cho vay và các cấp chính quyền trong việc xây dựng, triển khai, tổ chức thực hiện kênh dẫn vốn đến với các hộ nghèo; tăng cường công tác kiểm tra trước, trong, và sau khi cho vay nhằm bảo đảm vốn vay đúng mục đích, đúng đối tượng, sử dụng có hiệu quả.

Thứ ba, các chương trình tín dụng phục vụ người nghèo thành công đã kết nối nguồn cung tín dụng với việc huy động tiết kiệm. Trong nhiều chương trình, người nào muốn vay tiền thì trước hết phải có một khoản tiết kiệm tối thiểu. Bằng cách xây dựng ý thức “sở hữu”, việc huy động tiết kiệm cũng giúp người dân địa phương gắn bó với chương trình tín dụng hơn.

Thứ tư, điều kiện cho vay linh hoạt nhưng rất chặt chẽ, đặc biệt không sử dụng tài sản thế chấp làm điều kiện cho vay quyết định, mà sử dụng “lòng tin” và lòng tin được tạo dựng từ cả hai phía.

Thứ năm, phương thức cho vay chủ yếu theo tổ, nhóm, đây là mô hình phổ biến nhất hiện nay trên thế giới để các tổ chức tín dụng đến được với các hộ nghèo. Phương thức cho vay theo nhóm chịu trách nhiệm chung có nhiều mặt tích cực. Việc chia sẻ rủi ro và tự quản lý nhau giúp tăng khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mỗi thành viên của nhóm là người bảo lãnh cho tất cả các thành viên khác. Ngoài ra, hình thức tín dụng theo nhóm giúp giảm chi phí giao dịch cho cả người cho vay lẫn người đi vay, tăng tỉ lệ thu hồi nợ, tăng khả năng huy động tiết kiệm.

Thứ sáu, các chương trình tín dụng cho người nghèo thường kết hợp với các hoạt động phát triển cộng đồng như xây dựng năng lực địa phương, bồi đắp tinh thần tương thân tương trợ, tạo mối gắn kết xã hội thông qua thành lập những tổ, nhóm vay chung cùng chịu trách nhiệm. Ngoài ra, công tác đào tạo, tập huấn truyền đạt kinh nghiệm trong sản xuất thông qua các mô hình kinh tế cũng có vai trò quan trọng theo nguyên tắc “không nên cho con cá, mà nên cho cần câu và dạy câu cá”.

Thứ bảy, quan tâm nhiều hơn đến phụ nữ nghèo nông thôn, cấp tín dụng trực tiếp cho phụ nữ được xem là một chất xúc tác quan trọng để tăng cơ hội tham gia hoạt động kinh tế, có tác động tích cực về mặt xã hội, giúp phụ nữ thoát khỏi cảnh lệ thuộc kinh tế, và nâng cao lòng tự tin và khả năng tự chủ của họ. Theo kinh nghiệm của nhiều chương trình tín dụng ở các nước đang phát triển, phụ nữ nông thôn có rủi ro tín dụng rất thấp.

4. Kết luận

Giải quyết vấn đề đói nghèo, đặc biệt ở nông thôn các nước đang phát triển luôn là một vấn đề cấp bách đặt ra trên toàn cầu cũng như ở Việt Nam. Trong những năm qua Việt Nam đã thực hiện đồng bộ rất nhiều các giải pháp, trong đó giải pháp tín dụng cho hộ nghèo được đánh giá là một giải pháp sáng tạo, mang đậm tính nhân văn sâu sắc và phù hợp với thực tiễn xã hội Việt Nam, đồng thời góp phần quan trọng thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo đã đề ra.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm tiếp cận tín dụng cho hộ nghèo khá thành công từ Bangladesh với mô hình cung cấp tín dụng cho người nghèo từ GB, bài học kinh nghiệm thành công của GB đó là mở rộng chi nhánh tới hầu hết các làng xã trong cả nước; thành lập các nhóm tự quản; trả góp hàng tuần từ khoản vay; thực hiện giao dịch thông qua các buổi họp nhóm mà không cần đến ngân hàng; nhân viên GB là những người của địa phương và cung cấp các loại hình đào tạo cho người đi vay. Bài học thành công từ NHCSXH đó là: đặt các điểm giao dịch trên toàn bộ các xã, phường, thị trấn trong cả nước; thành lập các tổ tiết kiệm và vay vốn; phối hợp có hiệu quả và ủy

thác cho các tổ chức chính trị - xã hội quản lý hoạt động của các tổ tiết kiệm và vay vốn. Bài học thành công từ QTDND đó là: phát triển mạng lưới trên khắp cả nước; thủ tục vay vốn nhanh chóng thuận tiện; thực hiện cho vay theo hình thức tín chấp; tư vấn sử dụng vốn vay có hiệu quả. Bài học thành công từ TYM đó là: cho vay trực tiếp, thủ tục đơn giản; mức vay được thiết kế theo năng lực của người nghèo; mở rộng mạng lưới tới các vùng sâu, vùng xa; các khoản vay gắn liền với tiết kiệm.

Bài viết rút ra 7 bài học kinh nghiệm về tiếp cận tín dụng cho hộ nghèo đó là: mở rộng mạng lưới; lập các tổ tín dụng lưu động tại vùng sâu, vùng xa; kết nối nguồn cung tín dụng với việc huy động tiết kiệm; điều kiện cho vay linh hoạt; phương thức cho vay theo tổ, nhóm; gắn kết với các hoạt động phát triển cộng đồng; quan tâm đến phụ nữ nghèo. Tiếp cận tín dụng cho hộ nghèo rất cần sự nỗ lực từ nhiều phía: các tổ chức tín dụng, bản thân hộ nghèo, chính quyền các cấp và các tổ chức chính trị xã hội tại địa phương. Những bất cập chính sách cũng cần được tháo gỡ nhằm phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng trong công tác giảm nghèo. Có như vậy hiệu quả tín dụng để giảm nghèo mới thực sự bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] H. T. Nguyen and B. D. Pham, "Impact of formal credit on living standard of poor households in mountainous northern Vietnam," *Enterprise Development and Microfinance*, vol. 29, no. 4, pp. 244-261, 2018.
- [2] T. T. T. Tran, Q. V. Nguyen, and H. L. Hoang, "Determinant of Access to Rural Credit and Its Effect on Living Standard: Case Study about Poor Households in Northwest, Vietnam," *International Journal of Financial Research*, vol. 6, no. 2, pp. 218-230, 2015.
- [3] M. Barslund and F. Tarp, "Formal and Informal Rural Credit in Four Provinces of Vietnam," *The Journal of Development Studies*, vol. 44, no. 4, pp. 485-503, 2008.
- [4] X. Li, C. Gan, and B. Hu, "Accessibility to microcredit by Chinese rural households," *Journal of Asian Economics*, no. 22, pp. 235-246, 2011.
- [5] D. K. Pham, C. Gan, G. V. Narrea, and D. A. Cohen, "Formal and informal rural credit in the Mekong River Delta of Vietnam: Interaction and accessibility," *Journal of Asian Economics*, no. 26, pp. 1-13, 2013.
- [6] F. N. Yasmine, "Microcredit and the socio-economic wellbeing of women and their families in Cairo," *The Journal of Socio-Economics*, vol. 37, no. 2, pp. 644-656, 2008.
- [7] M. M. Pitt, S. R. Khankder, O. H. Chowdhury, and D. L. Millimet, "Credit programs for the poor and the health status of children in rural Bangladesh," *International Economic Review*, vol. 44, no. 1, pp. 87-118, 2003.
- [8] H. T. Nguyen, B. D. Pham, and H. T. Nguyen, "Filling the voids left by the formal sector: Informal borrowings by poor households in Northern Mountainous Vietnam," *Agricultural Finance Review*, no. 81, pp. 94-113, 2020.
- [9] B. D. Pham and Y. Izumida, "Rural Development Finance in Vietnam: A Microeconomic Analysis of Household Surveys," *World Development*, vol. 30, no. 2, pp. 319-335, 2002.
- [10] T. M. Pham, "Experience in developing microfinance institutions in the world, lessons for Vietnam," *Financial and monetary market review*, no. 21, pp. 45-49, 2021.
- [11] S. R. Khandker, "Microfinance and Poverty: Evidence Using Panel Data from Bangladesh," *The World Bank Economic Review*, vol. 19, no. 22, pp. 263-286, 2005.
- [12] A. M. Goetz and R. S. Gupta, "Who takes the credit? Gender, power, and control over loan use in rural credit programs in Bangladesh," *World Development*, vol. 24, pp. 45-63, 1996.
- [13] Central Institute for Economic Management (CIEM), United Nations University World Institute for Development Economics Research (UNU-WIDER), Institute of Labour Science and Social Affairs (ILSSA), *Report: Characteristics of Vietnam's rural economy: Evidence from the rural household survey in 12 provinces of Vietnam*, 2016.
- [14] H. T. Nguyen and B. D. Pham, "Some theoretical and practical issues in credit development for poor households," (in Vietnamese), *Journal of Economic Studies*, vol. 5, no. 468, pp. 57-66, 2017.
- [15] Grameen Bank - Bangladesh, *Annual Report 2015-2019*, 2020.
- [16] VietNam Bank for Social Policies, *Annual Report 2015-2019*, 2020.
- [17] Cooperative Bank of VietNam, *Annual Report 2019*, 2020.
- [18] Tinh Thuong One-member Limited Liability Microfinance Institution, *Annual Report 2015-2019*, 2020.